

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 147/2005/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án

"Phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2010"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2010;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 1527/TT-UB ngày 06 tháng 4 năm 2005 về việc xin phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2010"; đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2939 BKH/KTĐP< ngày 04 tháng 5 năm 2005.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2010" với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2010

Đưa miền Tây tỉnh Nghệ An thoát khỏi tình trạng kém phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc được nâng cao, đặc biệt là đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng biên giới; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; bảo vệ tốt quốc phòng, an ninh biên giới và môi trường sinh thái bền vững.

2. Phương hướng phát triển đến năm 2010

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế bền vững trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là ngành nông, lâm nghiệp để hình thành các vùng sản xuất cây nguyên liệu tập trung quy mô lớn gắn với phát triển công nghiệp chế biến để tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, tăng khối lượng và giá trị sản phẩm hàng hoá, tiêu dùng và xuất khẩu, giải quyết việc làm và phân công lại lao động trên địa bàn;

- Mở rộng các hoạt động dịch vụ, thương mại, du lịch, thông tin liên lạc. Phát triển mạng lưới thương mại dịch vụ vùng, huyện, cụm xã và mạng lưới chợ ở các xã vùng cao để thu mua trao đổi nông, lâm sản và cung ứng vật tư hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010

a) Về kinh tế:

- Nhịp độ phát triển kinh tế tăng bình quân: 15,08%; tổng giá trị sản xuất (giá 1994) đạt 12.536 tỷ đồng;

- Cơ cấu kinh tế: giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thuỷ sản từ 45,6% năm 2005 xuống 35%; tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng từ 28,2% năm 2005 lên 37%; tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ từ 26,2% năm 2005 lên 28%;

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 8,5 triệu đồng (vùng núi cao 4 - 5 triệu đồng; vùng núi thấp 9 - 10 triệu đồng);

- Giá trị xuất khẩu đạt 45 triệu USD.

b) Về xã hội:

- Nhịp độ phát triển dân số tăng bình quân 1,1%. Quy mô dân số đạt 1.191.190 người;

- Xoá hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 10%;

- Cơ bản hoàn thành công tác định canh, định cư trên địa bàn các huyện vùng cao. Phần đầu xoá bỏ tình trạng dân di cư tự do qua biên giới Lào;

- Phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở ở tất cả 10 huyện miền núi; 100% phòng học được kiên cố;

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 30%.

4. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

a) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Giao thông:

+ Xây dựng các tuyến đường kinh tế kết hợp với quốc phòng như:

. Đường nối quốc lộ 7 với quốc lộ 48 dài 106 km;

. Tuyến đường Tây Nghệ An - Thanh Hoá (Mường Xén - Tri Lễ - Thông Thụ - Thanh Hoá) dài 240 km.

+ Các tuyến đường ra biên giới (dài 180 km):

. Tuyến Châu Kim - Nậm Giải, Ta Đo - Khe Kiền;

. Tuyến Vẽ - Hữu Khuông - Tam Thái;

. Tuyến Châu Kim - Nậm Giải;

. Tuyến Kẻ Bọn - Châu Phong;

. Tuyến Đôn Phục - Bình Chuẩn.

+ Xây dựng mới tuyến giao thông biên giới dài trên 400 km;

+ Nâng cấp và hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và hệ thống giao thông vùng cây nguyên liệu, hệ thống giao thông phục vụ du lịch trên địa bàn miền núi (quốc lộ 7A, 48, 15A, 46 và đường Hồ Chí Minh, tổng chiều dài 748 km, trong đó đi qua địa phận 10 huyện miền núi là 568 km; 12 tuyến tỉnh lộ dài 794 km);

+ Nâng cấp mặt đường các tuyến đường huyện đi vào các trung tâm xã, đồng thời đầu tư xây dựng mới nền đường và các công trình trên tuyến vào 10 xã chưa có đường ô tô, dài 167 km.

- Thủy lợi:

+ Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi kết hợp thủy điện Bản Mòng (huyện Quỳnh Hợp) quy mô 400 triệu m³ nước và 60 MW để tưới và giữ ẩm cho vùng Tây Bắc;

+ Khôi phục và nâng cấp 136 công trình và xây dựng mới 278 công trình để đảm bảo tưới cho 32.800 ha. Trong đó, tưới cho lúa 19.000 ha, tưới cho cây trồng cạn 13.800 ha;

+ Kiên cố hoá kênh mương mới 1.106 km;

+ Xây dựng mới 195 công trình cấp nước sinh hoạt, giải quyết nước sinh hoạt cho 890.000 người.

- Điện:

+ Hoàn chỉnh quy hoạch lưới điện trên địa bàn miền núi, nâng công suất các trạm biến thế; phát triển lưới điện 35 KV, 22 KV sau trạm 110 KV đến các xã có điều kiện;

+ Tiếp tục phát triển lưới điện đến tận xã đối với các xã có khả năng kỹ thuật cho phép. Đầu tư cải tạo và nâng cấp các trạm biến áp và đường dây đã có, đồng thời phát triển thủy điện nhỏ hoặc pin mặt trời;

+ Xây dựng xong nhà máy thủy điện Bản Vẽ 320 MW, nhà máy thủy điện Khe Bó 96 MW, nhà máy thủy điện Hỏa Na 180 - 200 MW nhà máy thủy điện kết hợp thủy lợi Thác Muối 40 MW, các nhà máy khác: Bản Cốc, Sao Va, Nhạn Hạc công suất từ 5 - 20 MW và một số nhà máy thủy điện.

Đến năm 2010: đưa tỷ lệ hộ được sử dụng điện (điện lưới quốc gia, thủy điện nhỏ, pin...) lên 100%.

- Phát triển đô thị:

+ Hình thành và phát triển 2 thị xã mới: thị xã Con Công, quy mô 2 - 3 vạn dân; thị xã Thái Hoà, quy mô 3 - 5 vạn dân;

+ Hình thành thêm 7 thị trấn mới: Đỉnh Sơn (huyện Anh Sơn); Chợ Cồn, Chợ Chùa, Võ Liệt, Thanh Thủy (huyện Thanh Chương); thị trấn 3/2 (huyện Quỳnh Hợp); Đông Hiếu (huyện Nghĩa Đàn), Châu Khê (huyện Con Công);

+ Phát triển 11 điểm đô thị, thị tứ dọc tuyến đường Hồ Chí Minh: huyện Nghĩa Đàn: 4 điểm (Nghĩa Sơn, Nghĩa Lộc, Nghĩa Trung, Đông Hiếu); huyện Tân Kỳ: 3 điểm (thị trấn Lạt, Nghĩa Bình, Kỳ Sơn); huyện Anh Sơn: 1 điểm (thị trấn Tri Lễ); huyện Thanh Chương: 3 điểm (Thanh Thủy, Thanh Mai, Hạnh Lâm);

+ Phát triển mới 58 thị tứ gắn với phát triển chợ nông thôn: huyện Kỳ Sơn 6 thị tứ; huyện Tương Dương 2 thị tứ; huyện Con Công 5 thị tứ; huyện Anh Sơn 3 thị tứ; huyện Thanh Chương 16 thị tứ; huyện Quế Phong 4 thị tứ; huyện Quỳnh Châu 7 thị tứ; huyện Quỳnh Hợp 7 thị tứ; huyện Tân Kỳ 2 thị tứ; huyện Nghĩa Đàn 7 thị tứ.

- Xây dựng khu công nghiệp: xây dựng khu công nghiệp Phủ Quỳnh 400 ha tại xã Nghĩa Thuận, phát triển các ngành nghề chế biến nông, lâm sản, dệt may, lắp máy, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng.

Hình thành các cụm sản xuất tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn 10 huyện miền núi để khai thác tiềm năng nguyên vật liệu sẵn có và khôi phục phát triển các làng nghề, ngành nghề truyền thống trên địa bàn.

- Phát triển kinh tế cửa khẩu: hoàn thành xây dựng cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn (huyện Kỳ Sơn). Xây dựng cửa khẩu Thanh Thủy (Thanh Chương) thành cửa khẩu quốc gia; chuẩn bị đầu tư mở thêm cửa khẩu Thông Thụ (Quế Phong) để giao lưu với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và các nước trong khu vực.

Xây dựng 2 chợ cửa khẩu tạo nguồn hàng hoá, đẩy mạnh hợp tác giao lưu với nước Lào và các tỉnh vùng Đông Bắc Thái Lan.

b) Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp:

- Lâm nghiệp:

+ Quản lý bảo vệ và phát triển 3 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất) để tạo hệ sinh thái bền vững nhằm bảo vệ đất, nguồn nước, quỹ gen, môi trường và cảnh quan thiên nhiên;

+ Đổi mới cơ chế quản lý lâm nghiệp, thực hiện triệt để giao đất, khoán rừng phù hợp với từng địa bàn dân cư, tạo việc làm tại chỗ ở các lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp. Từng bước ổn định đời sống dân cư, xoá đói giảm nghèo;

+ Quản lý, bảo vệ 656.391 ha rừng hiện có;

+ Tạo các vùng trồng rừng tập trung quy mô lớn: rừng nguyên liệu giấy 72.500 ha, rừng nguyên liệu MDF 5.000 ha, rừng sồi 15.000 ha, quế 10.000 ha, cây chủ cánh kiến 7.000 ha, tre, trúc lấy măng 5.000 ha.

- Nông nghiệp: đảm bảo an ninh lương thực ở các huyện núi cao, biên giới trên cơ sở thâm canh diện tích lúa nước hiện có kết hợp mở rộng diện tích ở những nơi có công trình thủy lợi mới và giảm mạnh diện tích lúa rẫy. Phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả kết hợp với đầu tư phát triển thủy lợi, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, sản xuất thâm canh, tăng năng suất.

+ Cây lương thực: đến năm 2010 khai hoang ruộng nước ở các huyện núi cao 2.000 ha, giảm 6.000 ha diện tích rẫy. Ổn định diện tích gieo trồng lúa 57.610 ha (trong đó